

3 cột: Số → Hiragana → Romaji.

Câu 1 Số 1 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 一

B. 二

C. 三

D. 四

Câu 2 Số 2 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 一

B. 二

C. 三

D. 四

Câu 3 Số 3 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 一

B. 二

C. 三

D. 四

Câu 4 Số 4 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 一

B. 二

C. 三

D. 四

Câu 5 Số 5 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A.

B.

C.

D.

Câu 6 Số 6 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A.

B.

C.

D.

Câu 7 Số 7 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A.

B.

C.

D.

Câu 8 Số 8 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A.

B.

C.

D.

Câu 9 Số 9 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A.

B.

C.

D.

Câu 10 Số 10 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 十

B. 一

C. 二

D. 三

Câu 11 Số 0 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 零

B. 一

C. 二

D. 三

Câu 12 Số 100 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 十

B. 一

C. 二

D. 三

Câu 13 Số 1.000 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 一

B. 十

C. 一

D. 十

Câu 14 Số 10.000 trong tiếng Nhật đọc là gì?

A. 一

B. 十

C. 一

D. 十

Câu 15 □□□□ là số mấy?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 16 □□□ là số mấy?

A. 1

B. 2

C. 5

D. 7

Câu 17 □□□□ là số mấy?

A. 2

B. 4

C. 3

D. 6

Câu 18 □□□□ là số mấy?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 19 □□□ là số mấy?

A. 3

B. 5

C. 8

D. 9

Câu 20 □□□□ là số mấy?

A. 7

B. 8

C. 6

D. 10

Câu 21 □□□□ là số mấy?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 22 □□□□ là số mấy?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 7

Câu 23 □□□□□ là số mấy?

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 24 □□□□□□ là số mấy?

A. 9

B. 10

C. 100

D. 1000

Câu 25 là số mấy?

A. 10

B. 100

C. 1.000

D. 10.000

Câu 26 là số mấy?

A. 100

B. 1.000

C. 10.000

D. 10

Câu 27 là số mấy?

A. 100

B. 1.000

C. 10.000

D. 100.000

Câu 28 là số mấy?

A. 0

B. 1

C. 10

D. 100

Câu 29 Romaji của là gì?

A. ichi

B. ni

C. san

D. go

Câu 30 Romaji của 一 là gì?

- A. ichi
- B. ni
- C. roku
- D. nana

Câu 31 Romaji của 二 là gì?

- A. san
- B. shi
- C. yon
- D. go

Câu 32 Romaji của 三 là gì?

- A. yon
- B. go
- C. roku
- D. hachi

Câu 33 Romaji của 四 là gì?

- A. go
- B. roku
- C. nana
- D. kyuu

Câu 34 Romaji của 五 là gì?

- A. roku
- B. nana
- C. hachi
- D. juu

Câu 35 Romaji của 七人 là gì?

A. nana

B. shichi

C. hachi

D. kyuu

Câu 36 Romaji của 九十 là gì?

A. hachi

B. kyuu

C. juu

D. hyaku

Câu 37 Romaji của 九十九 là gì?

A. kyuu

B. ku

C. juu

D. man

Câu 38 Romaji của 九千九百 là gì?

A. juu

B. hyaku

C. sen

D. man

Câu 39 Cách đếm 1 người (一人) là gì?

A. 一

B. 二

C. 三

D. 四

Câu 40 Cách đếm 2 người (□□) là gì?

A. □□□

B. □□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 41 Cách đếm 3 người (□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 42 Cách đếm 4 người (□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 43 Cách đếm 5 người (□□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 44 Cách đếm 6 người (□□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 45 Cách đếm 7 người (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 46 Cách đếm 8 người (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□□

Câu 47 Cách đếm 9 người (□□) là gì?

A. □□□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 48 Cách đếm 10 người (□□) là gì?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 49 □□□□□ nghĩa là mấy người?

A. 1 người

B. 2 người

C. 3 người

D. 4 người

Câu 50 □□□□ nghĩa là mấy người?

A. 1 người

B. 2 người

C. 3 người

D. 5 người

Câu 51 □□□□□ nghĩa là mấy người?

A. 2 người

B. 3 người

C. 4 người

D. 5 người

Câu 52 □□□□ nghĩa là mấy người?

A. 3 người

B. 4 người

C. 5 người

D. 6 người

Câu 53 □□□□ nghĩa là mấy người?

A. 4 người

B. 5 người

C. 6 người

D. 7 người

Câu 54 □□□□□ nghĩa là mấy người?

A. 5 người

B. 6 người

C. 7 người

D. 8 người

Câu 55 〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy người?

A. 6 người

B. 7 người

C. 8 người

D. 9 người

Câu 56 〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy người?

A. 7 người

B. 8 người

C. 9 người

D. 10 người

Câu 57 〇〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy người?

A. 8 người

B. 9 người

C. 10 người

D. 7 người

Câu 58 〇〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy người?

A. 9 người

B. 10 người

C. 11 người

D. 12 người

Câu 59 Cách đếm 1 đồ vật (〇) là gì?

A. 〇〇〇

B. 〇〇〇

C. 〇〇〇

D. 〇〇〇

Câu 60 Cách đếm 2 đồ vật (□) là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 61 Cách đếm 3 đồ vật (□) là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 62 Cách đếm 4 đồ vật (□) là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 63 Cách đếm 5 đồ vật (□) là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 64 Cách đếm 6 đồ vật (□) là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 65 Cách đếm 7 đồ vật (□) là gì?

A. □□□

B. □□□

C. □□□

D. □□

Câu 66 Cách đếm 8 đồ vật (□) là gì?

A. □□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□

Câu 67 Cách đếm 9 đồ vật (□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□

D. □□□

Câu 68 Cách đếm 10 đồ vật (□) là gì?

A. □□□□

B. □□

C. □□□

D. □□□

Câu 69 □□□□□ nghĩa là mấy đồ vật?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 70 □□□□ nghĩa là mấy đồ vật?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 71 □□□□ nghĩa là mấy đồ vật?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 72 □□□□ nghĩa là mấy đồ vật?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 73 □□□□ nghĩa là mấy đồ vật?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 74 □□□□ nghĩa là mấy đồ vật?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 75  nghĩa là mấy đồ vật?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 76  nghĩa là mấy đồ vật?

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 77  nghĩa là mấy đồ vật?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 7

Câu 78  nghĩa là mấy đồ vật?

A. 9

B. 10

C. 8

D. 7

Câu 79 Cách đếm 1 vật dài () là gì?

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 80 Cách đếm 2 vật dài (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 81 Cách đếm 3 vật dài (□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□

Câu 82 Cách đếm 4 vật dài (□□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 83 Cách đếm 5 vật dài (□□□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 84 Cách đếm 6 vật dài (□□□□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 85 Cách đếm 7 vật dài (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 86 Cách đếm 8 vật dài (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□□

Câu 87 Cách đếm 9 vật dài (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 88 Cách đếm 10 vật dài (□□) là gì?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 89 □□□□□□ nghĩa là mấy vật dài?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 90 □□□□□ nghĩa là mấy vật dài?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 91 □□□□□□ nghĩa là mấy vật dài?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 92 □□□□□□ nghĩa là mấy vật dài?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 93 □□□□□□ nghĩa là mấy vật dài?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 94 □□□□□□□ nghĩa là mấy vật dài?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 95  nghĩa là mấy vật dài?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 96  nghĩa là mấy vật dài?

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 97  nghĩa là mấy vật dài?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 7

Câu 98  nghĩa là mấy vật dài?

A. 9

B. 10

C. 8

D. 7

Câu 99 Cách đếm 1 vật mỏng (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 100 Cách đếm 2 vật mỏng (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□

Câu 101 Cách đếm 3 vật mỏng (□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 102 Cách đếm 4 vật mỏng (□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 103 Cách đếm 5 vật mỏng (□□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 104 Cách đếm 6 vật mỏng (□□□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 105 Cách đếm 7 vật mỏng (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 106 Cách đếm 8 vật mỏng (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□□

Câu 107 Cách đếm 9 vật mỏng (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 108 Cách đếm 10 vật mỏng (□□) là gì?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 109 □□□□□ nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 110 [] [] [] [] nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 111 [] [] [] [] [] nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 112 [] [] [] [] [] nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 113 [] [] [] [] [] nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 114 [] [] [] [] [] nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 115 〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 116 〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 117 〇〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 7

Câu 118 〇〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy vật mỏng?

A. 9

B. 10

C. 8

D. 7

Câu 119 Cách đếm 1 lần (〇〇) là gì?

A. 〇〇〇〇

B. 〇〇〇

C. 〇〇〇〇

D. 〇〇〇〇

Câu 120 Cách đếm 2 lần (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□

Câu 121 Cách đếm 3 lần (□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 122 Cách đếm 4 lần (□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 123 Cách đếm 5 lần (□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 124 Cách đếm 6 lần (□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 125 Cách đếm 7 lần (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 126 Cách đếm 8 lần (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□□

Câu 127 Cách đếm 9 lần (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 128 Cách đếm 10 lần (□□) là gì?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 129 □□□□□ nghĩa là mấy lần?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 130 [][][][]nghĩa là mấy lần?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 131 [][][][]nghĩa là mấy lần?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 132 [][][][]nghĩa là mấy lần?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 133 [][][][]nghĩa là mấy lần?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 134 [][][][]nghĩa là mấy lần?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 135 〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy lần?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 136 〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy lần?

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 137 〇〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy lần?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 7

Câu 138 〇〇〇〇〇〇〇 nghĩa là mấy lần?

A. 9

B. 10

C. 8

D. 7

Câu 139 Cách đếm 1 tuổi (〇〇) là gì?

A. 〇〇〇〇

B. 〇〇〇

C. 〇〇〇〇

D. 〇〇〇〇

Câu 140 Cách đếm 2 tuổi (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□

Câu 141 Cách đếm 3 tuổi (□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 142 Cách đếm 4 tuổi (□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 143 Cách đếm 5 tuổi (□□□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 144 Cách đếm 6 tuổi (□□□□) là gì?

A. □□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 145 Cách đếm 7 tuổi (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 146 Cách đếm 8 tuổi (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□□

Câu 147 Cách đếm 9 tuổi (□□) là gì?

A. □□□□

B. □□□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 148 Cách đếm 10 tuổi (□□) là gì?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 149 Cách đếm 20 tuổi (đặc biệt) là gì?

A. □□□

B. □□□□□□

C. □□□□□□

D. □□□□

Câu 150 四四四四 nghĩa là mấy tuổi?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 151 六六六六 nghĩa là mấy tuổi?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 152 八八八八八 nghĩa là mấy tuổi?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 20

Câu 153 十二十二 nghĩa là mấy tuổi?

A. 10

B. 12

C. 18

D. 20

Câu 154 1 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. 三三

B. 二二

C. 三三

D. 二二

Câu 155 2 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. 二時

B. 二

C. 二時

D. 二

Câu 156 3 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. 三

B. 三時

C. 三

D. 三時

Câu 157 4 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. 四時

B. 四

C. 四

D. 四

Câu 158 5 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. 五

B. 五時

C. 五時

D. 五時

Câu 159 6 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. 六

B. 六時

C. 六時

D. 六

Câu 160 7 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□

B. □□□

C. □□□

D. □□□

Câu 161 8 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□

B. □□

C. □□□□

D. □□□

Câu 162 9 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□

C. □□□

D. □□□□

Câu 163 10 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□

C. □□□□□□

D. □□□□□

Câu 164 11 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□□□□□

C. □□□□□

D. □□□

Câu 165 12 giờ trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□□□□□

C. □□□□□

D. □□

Câu 166 4 giờ là □□, KHÔNG đọc là gì?

A. □□□

B. □□

C. □□

D. □□

Câu 167 9 giờ là □□, KHÔNG đọc là gì?

A. □□□□

B. □□

C. □□□□

D. □□□

Câu 168 7 giờ là □□□, KHÔNG đọc là gì?

A. □□□

B. □□□

C. □□□

D. □□□

Câu 169 1 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 170 2 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□

B. □□

C. □□□

D. □□

Câu 171 3 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□

D. □□□

Câu 172 4 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□

B. □□□

C. □□

D. □□□

Câu 173 5 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□

B. □□

C. □□□

D. □□□

Câu 174 6 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□

B. □□□

C. □□□

D. □□□□

Câu 175 7 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□□

Câu 176 8 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□□

D. □□□□□

Câu 177 9 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□

B. □□□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 178 10 phút trong tiếng Nhật là gì?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 179 □□□□□ nghĩa là mấy phút?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 180 □□□□ nghĩa là mấy phút?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 181 □□□□ nghĩa là mấy phút?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 182 □□□□ nghĩa là mấy phút?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 183 □□□□ nghĩa là mấy phút?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 184 □□□□ nghĩa là mấy phút?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 185 〆〆〆〆〆〆 nghĩa là mấy phút?

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 186 〆〆〆〆〆〆 nghĩa là mấy phút?

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 187 〆〆〆〆〆〆 nghĩa là mấy phút?

A. 8

B. 9

C. 10

D. 7

Câu 188 〆〆〆〆〆〆 nghĩa là mấy phút?

A. 9

B. 10

C. 8

D. 7

Câu 189 Romaji của 〆〆〆〆 là gì?

A. hitori

B. futari

C. sannin

D. yonin

Câu 190 Romaji của 一騎 là gì?

A. hitori

B. futari

C. gonin

D. rokunin

Câu 191 Romaji của 三人 là gì?

A. sannin

B. yonin

C. gonin

D. hachinin

Câu 192 Romaji của 一匹 là gì?

A. hitotsu

B. futatsu

C. mittsu

D. yottsu

Câu 193 Romaji của 四匹 là gì?

A. too

B. tou

C. kokonotsu

D. yattsu

Câu 194 Romaji của 七匹 là gì?

A. kokonotsu

B. kokono

C. yattsu

D. nanatsu

Câu 195 Romaji của 三本は gì?

- A. ippon
- B. nihon
- C. sanbon
- D. roppon

Câu 196 Romaji của 三本は gì?

- A. sanbon
- B. sanpon
- C. sanhon
- D. sanbonn

Câu 197 Romaji của 六本は gì?

- A. roppon
- B. rokuhon
- C. ropponh
- D. rokupon

Câu 198 Romaji của 四本は gì?

- A. juppon
- B. juupon
- C. jupponh
- D. juhon

Câu 199 Romaji của 五本は gì?

- A. ichimai
- B. nimai
- C. sanmai
- D. gomai

Câu 200 Romaji của 五回 là gì?

A. juumai

B. jumai

C. juumae

D. juumaii

Câu 201 Romaji của 一回 là gì?

A. ikkai

B. nikai

C. sankai

D. rokkai

Câu 202 Romaji của 六回 là gì?

A. rokkai

B. rokukai

C. rokkaih

D. rokai

Câu 203 Romaji của 七回 là gì?

A. issai

B. nisai

C. sansai

D. hassai

Câu 204 Romaji của 一回は là gì?

A. hatachi

B. hatati

C. hataji

D. hadachi

Câu 205 Romaji của 七は gì?

A. shichiji

B. nanaji

C. hachiji

D. kuji

Câu 206 Romaji của 九は gì?

A. kuji

B. kyuuji

C. hachiji

D. juuji

Câu 207 Romaji của 一は gì?

A. ippun

B. nifun

C. sanpun

D. gofun

Câu 208 Romaji của 六は gì?

A. roppun

B. rokupun

C. rokufun

D. roppunh

Câu 209 Trợ từ đếm người là gì?

A. 人

B. 名

C. 名

D. 人

Câu 210 Trọ từ đếm đồ vật chung là gì?

A. □

B. □□

C. □□

D. □□

Câu 211 Trọ từ đếm vật dài (bút, chai...) là gì?

A. □□

B. □□

C. □

D. □□

Câu 212 Trọ từ đếm vật mỏng (giấy, áo...) là gì?

A. □□

B. □□

C. □□

D. □□

Câu 213 Trọ từ đếm số lần là gì?

A. □□

B. □□

C. □□

D. □□

Câu 214 Trọ từ đếm tuổi là gì?

A. □□

B. □□

C. □

D. □□

Câu 215 Trọ từ đếm giờ là gì?

A. □

B. □□

C. □□

D. □□

Câu 216 Trọ từ đếm phút là gì?

A. □□ / □□

B. □

C. □□

D. □□

Câu 217 Điền vào chỗ trống: □□□□ □□_ □□□□.

A. □

B. □□

C. □□

D. □□

Câu 218 Điền vào chỗ trống: □□□ □_ □□□□.

A. □□

B. □□

C. □

D. □□

Câu 219 Điền vào chỗ trống: □□□□□ □□_ □□□□.

A. □□

B. □□

C. □□

D. □

Câu 220 Điền vào chỗ trống: □□□□ □_ □□.

A. □□

B. □

C. □□

D. □□

Câu 221 Điền vào chỗ trống: □□ □□_ □□.

A. □

B. □

C. □

D. □□

Câu 222 Câu nào đúng khi nói "4 giờ"?

A. □□

B. □□□

C. □□

D. □□

Câu 223 Câu nào đúng khi nói "9 giờ"?

A. □□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□

Câu 224 Câu nào đúng khi nói "7 giờ"?

A. □□□

B. □□□

C. □□□

D. □□□

Câu 225 Câu nào đúng khi nói "1 phút"?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□

Câu 226 Câu nào đúng khi nói "6 phút"?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□h

Câu 227 Câu nào đúng khi nói "10 phút"?

A. □□□□□

B. □□□□□

C. □□□□□

D. □□□□

Câu 228 Câu nào đúng khi nói "3 vật dài"?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□h

Câu 229 Câu nào đúng khi nói "6 vật dài"?

A. □□□□

B. □□□□

C. □□□□

D. □□□□h

Câu 230 Câu nào đúng khi nói "10 vật dài"?

A. ☐ ☐ ☐ ☐

B. ☐ ☐ ☐ ☐

C. ☐ ☐ ☐ ☐

D. ☐ ☐ ☐

Câu 231 ☐1 tuổi☐đọc đúng là gì?

A. ☐ ☐ ☐ ☐

B. ☐ ☐ ☐ ☐

C. ☐ ☐ ☐ ☐

D. ☐ ☐ ☐ ☐

Câu 232 ☐8 tuổi☐đọc đúng là gì?

A. ☐ ☐ ☐ ☐

B. ☐ ☐ ☐ ☐

C. ☐ ☐ ☐ ☐

D. ☐ ☐ ☐ ☐

Câu 233 ☐1 lần☐đọc đúng là gì?

A. ☐ ☐ ☐ ☐

B. ☐ ☐ ☐ ☐

C. ☐ ☐ ☐ ☐

D. ☐ ☐ ☐ ☐

Câu 234 ☐6 lần☐đọc đúng là gì?

A. ☐ ☐ ☐ ☐

B. ☐ ☐ ☐ ☐

C. ☐ ☐ ☐ ☐

D. ☐ ☐ ☐ ☐

Câu 235 20 tuổi đọc đặc biệt là gì?

A. 20

B. 2000

C. 20

D. 200

Câu 236 Số 100 đọc là 100, vậy "300" thường đọc là gì?

A. 3000

B. 3000

C. 300

D. 3000

Câu 237 Số 1.000 đọc là 1000, vậy "3.000" thường đọc là gì?

A. 3000

B. 3000

C. 300

D. 3000h

Câu 238 Từ nào KHÔNG phải là cách đếm người?

A. 20

B. 200

C. 200

D. 2000

Câu 239 Từ nào KHÔNG phải là cách đếm đồ vật (vật)?

A. 20

B. 200

C. 200

D. 200

Câu 240 Cách nói "2 người" và "2 vật" lần lượt là gì?

A. 二 - 二

B. 二 - 二

C. 二 - 二

D. 二 - 二

Câu 241 Cách nói "1 vật dài" và "1 vật mỏng" lần lượt là gì?

A. 二 - 二

B. 二 - 二

C. 二 - 二

D. 二 - 二

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem

diemdanh.app